

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 109/2024/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị M, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Thôn 2, xã Tr, huyện B, tỉnh Qu.

Bị đơn: Anh Phạm Văn D, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Thôn 2, xã Tr, huyện B, tỉnh Qu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 02 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 02 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hoàng Thị M và anh Phạm Văn D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Hoàng Thị M và anh Phạm Văn D thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên là Phạm Thị H, sinh ngày 30/7/2001; Phạm Thị Thúy H, sinh ngày 30/10/2003 và Phạm Anh T, sinh ngày 17/7/2013. Sau khi ly hôn, chị M và

anh D thỏa thuận các con Phạm Thị H và Phạm Thị Thúy H đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Giao con Phạm Anh T cho chị M trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị M khẳng định có đủ khả năng tự nuôi con một mình nên không yêu cầu anh D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị Hoàng Thị M và anh Phạm Văn D thống nhất tự thỏa thuận phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Hoàng Thị M và anh Phạm Văn D thỏa thuận chị M chịu toàn bộ 150.000đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn để sung vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) chị M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo Biên lai số 0002763 ngày 20 tháng 11 năm 2024. Chị M được nhận lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Qu;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Tr
- Các đương sự;
- (Số 24 ngày 10/7/2006),
- Lưu hồ sơ

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Thắm